

Bản án số: **64/2024/DS-ST**.

Ngày: **12/11/2024**.

V/v: “**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**”;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hương.

2. Ông Phạm Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 70/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc: “**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2024/QĐST-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quốc Th – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc B – Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch ngân hàng C huyện Ninh Phước.

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

(Các văn bản ủy quyền số: 7300, ngày 19/9/2019 và số: 154, ngày 06/5/2024).

- Bị đơn: Ông Lưu Xuân H, sinh năm: 1957.

Nơi cư trú: Thôn Hữu Đức, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Quảng Thị T, sinh năm: 1960.

Nơi cư trú: Thôn Hữu Đức, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

(Ông B có mặt, ông H và bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Quốc B trình bày:

Ông Lưu Xuân H đã ký hợp đồng vay tín dụng tại Ngân hàng C (Sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) theo “Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ”, ngày 12/01/2017; Số tiền vay là 42.000.000đ; Mục đích vay là chăn nuôi bò sinh sản; Lãi suất tại thời điểm vay là 8,25%/năm (0,6875%/tháng), lãi quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay; Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 17/12/2021.

Ông H được vay vì thuộc đối tượng hộ mới thoát nghèo, hồ sơ vay vốn của ông H có vợ là bà Quảng Thị T cùng ký tên cùng nghĩa vụ trả nợ với ông H vì vậy Ngân hàng xác định khoản vay này là khoản vay của vợ chồng ông H bà T.

Từ khi vay vốn thì vợ chồng ông H bà T đã trả được tổng số 15.841.595đ tiền lãi, còn nợ gốc thì chưa trả đồng nào; Tính đến xét xử là ngày 12/11/2024 vợ chồng ông H bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 54.136.165đ; Trong đó: Nợ gốc là: 42.000.000đ; Tổng nợ lãi là: 12.136.165đ.

Nay ngân hàng khởi kiện và yêu cầu cụ thể như sau:

1. Yêu cầu vợ chồng ông Lưu Xuân H và bà Quảng Thị T thanh toán tổng số nợ tính đến ngày 12/11/2024 là: 54.136.165đ; Trong đó: Nợ gốc là: 42.000.000đ; Tổng nợ lãi là: 12.136.165đ.

2. Yêu cầu vợ chồng ông Lưu Xuân H và bà Quảng Thị T thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 13/11/2024 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Lưu Xuân H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Quảng Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không đến Tòa làm việc nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp*: Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lưu Xuân H và bà Quảng Thị T phải trả nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn ông Lưu Xuân H có nơi cư trú tại thôn Hoài Đức, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn ông Lưu Xuân H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Quảng Thị T nhưng ông H bà T không đến tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa coi như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lưu Xuân H và bà Quảng Thị T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Lưu Xuân H và bà Quảng Thị T phải trả số tiền gốc và lãi đã vay; Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng và ông Lưu Xuân H đã ký kết “Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ”, ngày 12/01/2017; Số tiền vay là 42.000.000đ; Mục đích vay là chăn nuôi bò sinh sản; Lãi suất tại thời điểm vay là 8,25%/năm (0,6875%/tháng), lãi quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay; Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 17/12/2021. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận, bảo vệ. Sau khi ký hợp đồng, ông H đã nhận đủ số tiền vay. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bên vay có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng tuy nhiên kể từ lúc vay thì ông H không thanh toán nợ cho ngân hàng, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và đôn đốc nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ do đó khẳng định ông Lưu Xuân H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông H phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về người có nghĩa vụ trả nợ: Ông H được vay vì thuộc đối tượng hộ mới thoát nghèo, hồ sơ vay vốn của ông H có vợ là bà Quảng Thị T cùng ký tên cùng nghĩa vụ trả nợ với ông H và Ngân hàng xác định khoản vay này là khoản vay của vợ chồng ông H bà T nên yêu cầu bà Quảng Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông Lưu Xuân H vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của ngân hàng, buộc bà Quảng Thị T phải có nghĩa vụ cùng ông Lưu Xuân H trả nợ cho ngân hàng.

[2.3] Về lãi suất: Các bên thỏa thuận tại thời điểm xác lập Hợp đồng tín dụng về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 và Điều 418 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lưu Xuân H và bà Quảng Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/11/2024) tổng cộng là 54.136.165đ là phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký kết, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Ngân hàng yêu cầu: Ông Lưu Xuân H và bà Quảng Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 13/11/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại “Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ”, ngày 12/01/2017, phù hợp với quy định tại Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ; Ông Lưu Xuân H và bà Quảng Thị T thuộc đối tượng người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí theo luật định nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Lưu Xuân H và bà Quảng Thị T phải chịu 2.706.000đ (*Hai triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng – đã làm tròn*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 468, 418, 317 của Bộ luật dân sự;

- Điều 100 và Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điều 37 Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

1. Buộc ông Lưu Xuân H và bà Quảng Thị T phải trả cho Ngân hàng C tổng số tiền là: 54.136.165đ (*Năm mươi tư triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi lăm đồng*); Trong đó: Nợ gốc là: 42.000.000đ; Tổng nợ lãi là: 12.136.165đ.

2. Kể từ ngày 13/11/2024, ông Lưu Xuân H và bà Quảng Thị T còn phải tiếp

tục liên đới chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại “Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ”, ngày 12/01/2017 đối với số tiền nợ chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về án phí: Ông Lưu Xuân H và bà Quảng Thị T phải chịu 2.706.000đ (*Hai triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng – đã làm tròn*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt đại diện nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/11/2024). Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Cốc